

Thanh Hoá, ngày 17 tháng 10 năm 2016

KẾ HOẠCH

Ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan nhà nước tỉnh Thanh Hoá năm 2017

I. Căn cứ lập kế hoạch

Luật Công nghệ thông tin số 67/2006/QH11 ngày 29/6/2006;

Luật Giao dịch điện tử số 51/2005/QH11 ngày 29/11/2005;

Nghị định 64/2007/NĐ-CP ngày 10/4/2007 của Chính phủ, về Ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan nhà nước;

Nghị định số 43/2011/NĐ-CP ngày 13/6/2011 của Chính phủ, về việc cung cấp thông tin và dịch vụ công trực tuyến trên trang thông tin điện tử hoặc cổng thông tin điện tử của cơ quan nhà nước;

Nghị quyết số 26/NQ-CP ngày 15/4/2015 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 36-NQ/TW ngày 01/7/2014 của Bộ Chính trị về đẩy mạnh ứng dụng, phát triển công nghệ thông tin đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững và hội nhập quốc tế;

Nghị quyết 36a/NQ-CP ngày 14/10/2015 của Chính phủ, về Chính phủ điện tử;

Nghị quyết số 73/NQ-CP ngày 26/8/2016 của Chính phủ, về phê duyệt chủ trương đầu tư các chương trình mục tiêu giai đoạn 2016-2020;

Quyết định 1819/QĐ-TTg ngày 26/10/2015 của Thủ tướng Chính phủ, về việc phê duyệt Chương trình quốc gia về ứng dụng CNTT trong hoạt động của cơ quan nhà nước giai đoạn 2016-2020;

Kế hoạch số 22/KH-UBND ngày 15/02/2016 của UBND tỉnh Thanh Hóa, về ứng dụng CNTT trong hoạt động của cơ quan nhà nước tỉnh Thanh Hóa giai đoạn 2016-2020;

Công văn số 2718/BTTTT-THH ngày 10/8/2016 của Bộ Thông tin và Truyền thông, về việc báo cáo tình hình thực hiện Quyết định số 1819/QĐ-TTg ngày 26/10/2015 và xây dựng kế hoạch ứng dụng Công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan nhà nước năm 2017.

II. Kết quả ứng dụng Công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan nhà nước tỉnh Thanh Hóa năm 2016

A. Những kết quả đạt được

1. Môi trường pháp lý

Năm 2016, trên cơ sở tham mưu của Sở Thông tin và Truyền thông và các cơ quan, đơn vị có liên quan; UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa đã ban hành nhiều văn bản chỉ đạo, điều hành quan trọng. Cụ thể:

- Kế hoạch số 22/KH-UBND ngày 15/02/2016 của UBND tỉnh Thanh Hóa, về ứng dụng CNTT trong hoạt động của cơ quan nhà nước tỉnh Thanh Hóa giai đoạn 2016-2020;

- Kế hoạch số 01/KH-UBND, ngày 04/01/2016 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc ban hành Kế hoạch hành động thực hiện Nghị quyết số 36a/NQ-CP ngày 04/10/2015 của Chính phủ về Chính phủ điện tử.

- Kế hoạch số 49/KH-UBND ngày 30/3/2016 của UBND tỉnh về ứng dụng CNTT trong hoạt động của cơ quan nhà nước tỉnh Thanh Hóa năm 2016;

- Quyết định số 1136/QĐ-UBND ngày 31/3/2016 của Chủ tịch UBND tỉnh về phê duyệt báo cáo nghiên cứu khả thi dự án đầu tư công trung hạn “Ứng dụng và phát triển CNTT trong hoạt động của cơ quan nhà nước tỉnh Thanh Hóa giai đoạn 2016-2020”;

- Quyết định số 1303/QĐ-UBND ngày 14/4/2016 của Chủ tịch UBND tỉnh về phê duyệt Đề cương Kiến trúc chính quyền điện tử tỉnh Thanh Hóa;

- Quyết định số 3269/QĐ-UBND ngày 26/8/2016 của Chủ tịch UBND tỉnh về phê duyệt Đề cương Đề án phát triển một số sản phẩm CNTT mũi nhọn tỉnh Thanh Hóa đến năm 2020, định hướng đến năm 2030.

2. Hạ tầng kỹ thuật

Trong năm 2016, hạ tầng kỹ thuật CNTT của các cơ quan nhà nước tiếp tục được duy trì hoạt động tương đối ổn định. Tất cả các cơ quan nhà nước (48/48 cơ quan, đơn vị) đã có hệ thống mạng LAN và kết nối Internet tốc độ cao; một số đơn vị quan tâm, đầu tư trang bị các thiết bị phục vụ công tác đảm bảo an toàn hệ thống thông tin mạng (5/48 sở, ban, ngành, UBND cấp huyện trang bị thiết bị tường lửa; 02 sở, ngành trang bị hệ thống cảnh báo truy nhập trái phép; hơn 60 % máy tính của cán bộ công chức của sở, ban, ngành, UBND cấp huyện được trang bị phần mềm diệt virus bản quyền); 95,99 % cán bộ công chức từ cấp tỉnh đến cấp huyện được trang bị máy tính nối mạng để làm việc.

Trung tâm Tích hợp dữ liệu đặt tại Văn phòng UBND tỉnh gồm: 11 máy chủ và một số thiết bị định tuyến (Router), thiết bị an ninh mạng (firewall) đảm bảo đầy đủ các yêu cầu kỹ thuật về an ninh, an toàn toàn thông tin mạng để phục vụ các nhiệm vụ lưu trữ nội dung (Hosting) của Cổng thông tin điện tử của tỉnh, hệ thống hệ thống thư điện tử, hệ thống văn bản pháp luật của UBND tỉnh, các phần mềm ứng dụng trong nội bộ Văn phòng UBND tỉnh và một số các CSDL khác của tỉnh; đồng thời, lưu trữ nội dung của Trang thông tin điện tử của một số sở, ban, ngành, UBND cấp huyện. Hiện tại, Trung tâm Tích hợp dữ liệu đã thực hiện nhiệm vụ kết nối, liên thông trao đổi thông tin, văn bản giữa UBND tỉnh với Chính phủ và các bộ, ngành Trung ương thông đường truyền số liệu chuyên dùng.

Trung tâm An ninh mạng và An toàn dữ liệu của tỉnh đặt tại Sở Thông tin và Truyền thông gồm: 12 máy chủ, các thiết bị Router, Firewall, thiết bị giám sát và phát hiện xâm nhập (Cisco IPS) đảm bảo đầy đủ các yêu cầu kỹ thuật về an ninh, an toàn toàn thông tin mạng để phục vụ thực hiện các nhiệm vụ: cài đặt

phần mềm và lưu trữ CSDL của hệ thống quản lý văn bản và hồ sơ công việc cho 38 sở, ngành và UBND cấp huyện (đang bị hỏng máy chủ, không thể cài đặt tại đơn vị), hosting và đảm bảo an toàn thông tin số (datacenter) cho một số trang thông tin điện tử của sở, ban, ngành và UBND cấp huyện. Kết nối với Trung tâm tích hợp dữ liệu tỉnh qua đường Internet FTTH.

Các sở, ban, ngành và UBND cấp huyện được kết nối với Trung tâm tích hợp dữ liệu và Trung tâm An ninh mạng qua đường Internet băng rộng (ADSL, FTTH) thuê của các doanh nghiệp cung cấp dịch vụ Internet.

Mạng truyền số liệu chuyên dùng phục vụ các cơ quan Đảng và Nhà nước (do Cục Bưu điện Trung ương xây dựng, quản lý và khai thác) đã kéo cáp quang đến 48/48 sở, ban, ngành và UBND cấp huyện. UBND tỉnh đang chỉ đạo Sở Thông tin và Truyền thông làm việc với Viễn thông Thanh Hóa để nghiên cứu các giải pháp phù hợp, đề xuất UBND tỉnh xem xét để chỉ đạo thực hiện trong thời gian tới.

3. Hiện trạng về nguồn nhân lực ứng dụng Công nghệ thông tin

Cùng với việc quan tâm đầu tư phát triển hạ tầng kỹ thuật CNTT, xây dựng và triển khai các phần mềm ứng dụng, Thanh Hóa đã quan tâm việc đào tạo và phát triển nguồn nhân lực CNTT, bao gồm cả nhân lực ứng dụng CNTT và nhân lực chuyên trách CNTT trong các cơ quan nhà nước, cụ thể đến năm 2016:

- 100% lãnh đạo, 80% cán bộ, công chức, viên chức trong các cơ quan nhà nước cấp tỉnh cấp huyện, cấp xã đã được bồi dưỡng, tập huấn đảm bảo các yêu cầu về kỹ năng sử dụng máy tính và các phần mềm ứng dụng CNTT của tỉnh;
- 100% cơ quan cấp tỉnh, UBND các huyện, thành phố được bố trí ít nhất 01 cán bộ chuyên trách CNTT có trình độ từ cao đẳng trở lên.

4. Ứng dụng Công nghệ thông tin trong nội bộ các cơ quan

Trên cơ sở kết quả đạt được của giai đoạn 2011-2015 và Kế hoạch số 49/KH-UBND ngày 30/3/2016 của UBND tỉnh về ứng dụng CNTT trong hoạt động của cơ quan nhà nước tỉnh Thanh Hóa năm 2016; ứng dụng CNTT trong các cơ quan nhà nước tiếp tục được duy trì và phát triển, đảm bảo thông tin phục vụ đắc lực công tác chỉ đạo, điều hành của lãnh đạo các cấp; hỗ trợ các hoạt động chuyên môn, hành chính của các cơ quan, đơn vị góp phần quan trọng nâng cao chỉ số, thứ hạng của tỉnh trong cải cách thủ tục hành chính, nâng cao chỉ số cạnh tranh cải thiện môi trường đầu tư của tỉnh. Hoạt động ứng dụng và phát triển CNTT trong các cơ quan nhà nước được thể hiện cụ thể như sau:

- Hệ thống Thư điện tử công vụ: Đến nay, 100% các cơ quan nhà nước cấp tỉnh, cấp huyện và cấp xã đã được cấp hộp thư điện tử công vụ có tên miền @thanhhoa.gov.vn và trên 98% cán bộ, công chức đã được cấp hộp thư điện tử công vụ; Tỷ lệ cán bộ, công chức thường xuyên sử dụng hệ thống thư điện tử công vụ phục vụ công việc là 96%; tỷ lệ văn bản trao đổi qua hệ thống thư điện tử khoảng 45%, trong đó, tỷ lệ trao đổi hoàn toàn dưới dạng văn bản điện tử đạt tỷ lệ 30%. Các loại văn bản được trao đổi qua hệ thống thư điện tử gồm: giấy mời họp, tài liệu trao đổi phục vụ công việc; tài liệu phục vụ các Hội nghị; thông báo,... Một số sở, ban, ngành và UBND cấp huyện có tỷ lệ cán bộ, công chức sử dụng

thư điện tử công vụ cao như: Văn phòng UBND tỉnh, Sở Thông tin và Truyền thông, Sở Tài chính, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Tài nguyên và Môi trường, UBND thị xã Bim Sơn, UBND huyện Cẩm Thủy...

- Phần mềm Quản lý văn bản, hồ sơ công việc: Phần mềm quản lý văn bản, hồ sơ công việc (TDOffice) đã được triển khai sử dụng cho 100% các sở, ban, ngành cấp tỉnh, UBND cấp huyện và 132 UBND xã, phường, thị trấn (tỷ lệ 33,8%). Hiện tại, phần mềm đang được các cơ quan, đơn vị sử dụng tương đối ổn định và đồng bộ. Phần mềm đã được tích hợp chữ ký số chuyên dùng và đã kết nối, liên thông với UBND tỉnh và giữa các cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh với nhau để truyền nhận, trao đổi thông tin, văn bản trên môi trường mạng.

- Phần mềm theo dõi thực hiện nhiệm vụ của UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh giao cho các huyện, ngành: Phần mềm theo dõi thực hiện nhiệm vụ của UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh giao cho các huyện, ngành do Văn phòng UBND tỉnh chủ trì triển khai, quản lý, vận hành; phần mềm đang hoạt động ổn định và đang phát huy hiệu quả tốt. Hiện tại, phần mềm đang được Văn phòng UBND tỉnh triển khai mở rộng đến cấp xã, phường, thị trấn.

- Cổng/trang thông tin điện tử: 100% các sở, ban, ngành và UBND cấp huyện đã có Trang thông tin điện tử cung cấp đầy đủ các thông tin theo quy định của nhà nước và theo hướng dẫn của Bộ Thông tin và Truyền thông về việc cung cấp thông tin và dịch vụ công trực tuyến trên trang thông tin điện tử hoặc cổng thông tin điện tử của cơ quan nhà nước. Các Cổng/Trang thông tin điện tử đã đi vào hoạt động ổn định và đang phát huy hiệu quả; thông tin phục vụ doanh nghiệp, người dân được cập nhật kịp thời, chính xác.

- Cung cấp dịch vụ công trực tuyến: Cổng Thông tin điện tử của tỉnh đã liên kết, tích hợp Trang thông tin điện tử của tất cả các sở, ngành và UBND cấp huyện cung cấp 1772 dịch vụ công trực tuyến mức độ 2 và 39 dịch vụ công trực tuyến mức độ 3 để phục vụ người dân và doanh nghiệp. Kết quả và tiến độ giải quyết thủ tục hành chính của các đơn vị được công khai tại địa chỉ <http://motcuadientu.thanhhoa.gov.vn> và trên Cổng thông tin điện tử Chính phủ.

Dự kiến đến hết năm 2016 sẽ có 40% dịch vụ công trực tuyến ở cả 3 cấp (cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã) được cung cấp trực tuyến ở mức độ 3. Đối với dịch vụ công trực tuyến mức độ 4, sẽ tiến hành triển khai thí điểm tại 08 sở, ban, ngành đối với các dịch vụ công phổ biến liên quan nhiều đến doanh nghiệp, người dân (Kế hoạch và Đầu tư, Tư pháp, Nông nghiệp và PTNT, Công Thương, Giao thông, Giáo dục, Y tế, Tài nguyên và Môi trường).

5. Ứng dụng Công nghệ thông tin phục vụ người dân và doanh nghiệp

Hệ thống một cửa điện tử hiện đại cung cấp dịch vụ hành chính công cấp huyện đã được triển khai và đưa vào sử dụng tại 20/27 UBND huyện, thị xã, thành phố (đạt tỷ lệ 74%) và 07/21 đơn vị cấp tỉnh (đạt tỷ lệ 33%). Tại các UBND cấp huyện đã triển khai tiếp nhận và xử lý hồ sơ tập trung vào 05 lĩnh vực chính là: Tài chính - Kế hoạch, Công thương, Tài nguyên - Môi trường, Lao động - Thương binh và Xã hội, Tư pháp - Hộ tịch cho trên 220 thủ tục hành

chính phê duyệt theo Đề án 30 thuộc thẩm quyền của UBND cấp huyện; và 07 đơn vị cấp tỉnh (gồm: Ban QL Khu KT Nghi Sơn, các Sở: Kế hoạch và Đầu tư, Lao động - Thương binh và Xã hội, Tài nguyên và Môi trường, Giao thông vận tải, Công thương, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn). Các đơn vị đã phát huy tốt hiệu quả của hệ thống trang thiết bị, phần cứng, phần mềm được đầu tư.

Cổng thông tin thương mại doanh nghiệp tỉnh Thanh Hóa đang được Sở Thông tin và Truyền thông quản lý, vận hành; được duy trì, cập nhật thường xuyên, hỗ trợ tốt cho công tác quảng cáo, giới thiệu sản phẩm, trao đổi thông tin giữa các doanh nghiệp tham gia. Hiện tại, trên Cổng thông tin thương mại doanh nghiệp Thanh Hóa đã thu hút được gần 1.200 doanh nghiệp tham gia giao dịch với hơn 1.250 sản phẩm.

6. Việc triển khai các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu

Các phần mềm ứng dụng, CSDL chuyên ngành phục vụ công tác chuyên môn của các cơ quan, đơn vị luôn được quan tâm và tổ chức triển khai thực hiện nghiêm túc, cụ thể:

- Văn phòng UBND tỉnh đang quản lý, vận hành các CSDL và phần mềm ứng dụng như: Văn bản quy phạm pháp luật tỉnh Thanh Hóa; Quản lý đơn thư khiếu nại, tố cáo; Quản lý văn bản đi đến và hồ sơ công việc; Công báo của tỉnh,...

- Ngành Sở Giáo dục và Đào tạo đã triển khai các phần mềm phục vụ công tác quản lý ngành trên địa bàn tỉnh như: Phần mềm quản lý cán bộ PMIS, thông tin quản lý giáo dục EMIS, quản lý nhà trường VEMIS, phần mềm quản lý văn bằng, chứng chỉ và các phần mềm quản lý thi, tuyển sinh, hỗ trợ xếp thời khóa biểu.

- Sở Tài chính đã triển khai các phần mềm như: Quản lý nguồn chưa phân bổ MisaTiger.Net 2010; Quyết toán ngân sách 1.0; Quản lý ngân sách 8.0; Đăng ký tài sản 1.0; Đăng ký mã số đơn vị sử dụng ngân sách và phần mềm trao đổi thông tin phiên bản chữ ký số.

- Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đã triển khai các phần mềm Theo dõi diễn biến tài nguyên rừng ở Chi cục Kiểm lâm; Quản lý nhân sự của ngành tại tất cả đơn vị trực thuộc; Tổng hợp báo cáo nhanh về số liệu tiến độ sản xuất nông nghiệp hàng tuần và quản lý chương trình xây dựng nông thôn mới.

- Tại các sở, ban, ngành cấp tỉnh: 100% các đơn vị đã ứng dụng phần mềm kế toán, quản lý nhân sự. Ngoài ra còn có các CSDL ngành: Cán bộ công chức, Thi đua khen thưởng; Đất đai, địa chính, Tài nguyên nước, Tài nguyên biển; Nông nghiệp, Nông thôn; Hộ khẩu, hộ tịch; hồ sơ nạn nhân chất độc màu da cam, quản lý thông tin mộ liệt sỹ, quản lý hộ nghèo, hồ sơ người có công, quản lý đối tượng hưởng bảo trợ xã hội; Hồ sơ danh bạ học sinh, sinh viên; quản lý văn bằng, chứng chỉ; Dân số; Bưu chính, viễn thông; Đăng ký kinh doanh; ngành Y tế; Thẻ BHXH...

- Tại các UBND cấp huyện, ngoài các chương trình, dự án tập trung của tỉnh, đã chủ động xây dựng và triển khai thêm một số phần mềm ứng dụng phục vụ công tác chuyên môn, quản lý hành chính nhà nước theo đặc thù địa phương.

7. Các nhiệm vụ, dự án thực hiện đầu tư năm 2016

Các nhiệm vụ, dự án thực hiện đầu tư năm 2016 theo *Phụ lục 1* đính kèm.

8. Đánh giá chung

Cùng với sự quan tâm và sự chỉ đạo quyết liệt của UBND tỉnh, trong hoạt động của các cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh đã có sự thay đổi lớn trong việc đẩy mạnh ứng dụng và phát triển CNTT; hệ thống thư điện tử và hệ thống QLVB&HSCV đã được sử dụng rộng rãi, bước đầu đã làm tăng năng suất lao động, giảm nhẹ văn bản giấy tờ, rút ngắn thời gian xử lý công việc, tiết kiệm chi phí hành chính. Một số kết quả đã đạt được so với những nội dung đã đề ra, đó là:

- Bước đầu đã quan tâm đầu tư bảo đảm hạ tầng kỹ thuật cho triển khai các phần mềm ứng dụng, hệ thống thư điện tử và hệ thống phần mềm QLVB&HSCV phục vụ các hoạt động của các cơ quan nhà nước; 96% cán bộ, công chức đã được cung cấp hộp thư điện tử công vụ của tỉnh để sử dụng và trao đổi thực hiện nhiệm vụ.

- Hơn 80% văn bản đã được các cơ quan nhà nước trao đổi qua hệ thống thư điện tử và hệ thống phần mềm QLVB&HSCV; nhiều ý kiến đóng góp của tổ chức, công dân được tiếp nhận qua hộp thư công vụ của tỉnh; nhiều công việc đột xuất, quan trọng, khẩn cấp của UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh được gửi đến các đơn vị qua hộp thư công vụ của các ngành, các huyện; Việc sử dụng thư điện tử và hệ thống phần mềm QLVB&HSCV, bước đầu đã khẳng định được hiệu quả của việc ứng dụng CNTT phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành, góp phần nâng cao hiệu quả công tác cải cách hành chính của tỉnh và tạo được lòng tin cũng như sự quyết tâm đẩy mạnh ứng dụng CNTT trong hoạt động của các cơ quan nhà nước trong thời gian tới.

- Các Trung tâm một cửa điện tử đã hoạt động một cách có hiệu quả và đem lại lợi ích để phục vụ người dân và doanh nghiệp trong việc công khai, minh bạch các thủ tục hành chính.

B. Những khó khăn, hạn chế, nguyên nhân

1. Khó khăn, hạn chế

- Nguồn kinh phí đầu tư cho hoạt động ứng dụng và phát triển CNTT chưa đáp ứng được nhu cầu và tiến độ thời gian theo các kế hoạch đề ra.

- Một số trang thiết bị CNTT, phần mềm ứng dụng đã được triển khai, đầu tư cho các cơ quan, đơn vị nhưng hiệu quả khai thác, sử dụng còn thấp. Các văn bản điện tử chưa thay thế hoàn toàn văn bản giấy được nên kinh phí dành cho công tác: in ấn, sao lưu, chuyển phát, lưu trữ vẫn còn tốn kém, mất nhiều thời gian.

- Hoạt động trao đổi, lưu trữ và xử lý văn bản điện tử giữa các cơ quan hành chính nhà nước thiếu sự đồng bộ, thống nhất và không đồng đều.

- Vẫn còn một số đơn vị có lãnh đạo, cán bộ, công chức còn có biểu hiện ngại tiếp cận nên chưa có ý thức, quyết tâm sử dụng hệ thống thư điện tử hoặc hệ thống phần mềm QLVB&HSCV trong công việc.

2. Nguyên nhân

- Nguồn thu ngân sách tỉnh còn ít chưa đáp ứng được các về yêu cầu đầu tư

và phát triển chung của tỉnh nên ngân sách dành cho các hoạt động phát triển và ứng dụng CNTT còn thấp. Kinh phí cấp thực hiện dự án đầu tư bằng nguồn hỗ trợ từ Trung ương chậm nên ảnh hưởng đến tiến độ dự án.

- Thiếu các cơ chế kiểm tra, giám sát, đôn đốc việc khai thác, sử dụng các hệ thống CNTT đã được đầu tư, trang bị tại các cơ quan, đơn vị.

- Chưa có các quy định cụ thể, thống nhất và hiệu quả trong việc tổ chức thực hiện trao đổi, lưu trữ và xử lý văn bản điện tử giữa các cơ quan hành chính nhà nước với nhau.

- Người đứng đầu tại một số đơn vị chưa có sự chỉ đạo quyết liệt nhằm sử dụng hiệu quả hệ thống thư điện tử trong công việc, chưa gương mẫu sử dụng thư điện tử trong công tác quản lý, điều hành. Một bộ phận cán bộ, công chức còn sử dụng miễn cưỡng, theo kiểu đối phó, chưa tự giác, chưa có thói quen ứng dụng CNTT trong công việc, ngại thay đổi lề lối làm việc.

III. Mục tiêu ứng dụng Công nghệ thông tin năm 2017

1. Mục tiêu tổng quát

Tiếp tục xây dựng, hoàn thiện và ứng dụng hiệu quả hạ tầng kỹ thuật, các hệ thống thông tin trong hoạt động của các cơ quan nhà nước gắn kết chặt chẽ với chương trình cải cách hành chính, tăng tốc độ xử lý công việc, giảm chi phí hoạt động; cung cấp đầy đủ thông tin, dịch vụ hành chính công trực tuyến mức độ 3, 4 trên diện rộng, đảm bảo an toàn, an ninh thông tin, tạo nền tảng phát triển Chính quyền điện tử tỉnh Thanh Hóa phù hợp với khung kiến trúc Chính phủ điện tử Việt Nam, đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững và hội nhập quốc tế, giúp cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh của tỉnh.

2. Mục tiêu cụ thể

- Xây dựng và ban hành Kiến trúc Chính quyền điện tử tỉnh Thanh Hóa đảm bảo phù hợp với Kiến trúc Chính phủ điện tử Việt Nam do Bộ Thông tin và Truyền thông ban hành; triển khai xây dựng hạ tầng đảm bảo kết nối và chia sẻ liên thông với các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu quốc gia, các bộ ngành Trung ương và các địa phương.

- Sẵn sàng tích hợp trên 40% các phần mềm, hệ thống thông tin, CSDL trọng điểm quốc gia từ các Bộ, Ngành, trong đó ưu tiên triển khai tạo nền tảng Chính phủ điện tử theo Quyết định 714/QĐ-TTg ngày 22/5/2015 của Thủ tướng Chính phủ, để đảm bảo kết nối liên thông trong toàn hệ thống thông tin của tỉnh.

- Đảm bảo cung cấp 100% các dịch vụ công trực tuyến cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã ở mức độ 3 và 5% ở mức độ 4.

- 100% các Sở, ban, ngành cấp tỉnh, UBND cấp huyện được triển khai hệ thống “Một cửa điện tử liên thông” để cung cấp dịch vụ hành chính công mức độ cao cho người dân và doanh nghiệp, đảm bảo trên 50% hồ sơ thủ tục hành chính cần trao đổi giữa các bộ phận một cửa liên thông được trao đổi qua môi trường mạng.

- Trên 65% các cơ quan nhà nước từ cấp tỉnh đến cấp xã được triển khai

phần mềm quản lý văn bản và hồ sơ công việc và hệ thống thư tín điện tử.

- 95% văn bản không mật trình UBND tỉnh và 80% văn bản trao đổi giữa các sở, ban, ngành cấp tỉnh, UBND cấp huyện dưới dạng điện tử (bao gồm cả các văn bản gửi song song cùng văn bản giấy).

- Đảm bảo 90% văn bản điện tử trao đổi của các sở, ban, ngành, UBND cấp huyện và UBND cấp xã có ứng dụng chữ ký số chuyên dùng đảm bảo an toàn, bảo mật thông tin trên môi trường mạng.

- 100% hệ thống thông tin từ cấp độ 3 trở lên được áp dụng phương án đảm bảo an toàn thông tin phù hợp với tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật về bảo đảm an toàn hệ thống thông tin theo cấp độ; 100% dịch vụ công trực tuyến cấp độ 4 có giải pháp xác thực điện tử tập trung.

- 100% Cổng thông tin điện tử tỉnh, trang thông tin điện tử các sở, ban, ngành được giám sát an toàn thông tin mạng.

IV. Nội dung kế hoạch

1. Phát triển hạ tầng kỹ thuật

- Đầu tư một nền tảng chung kết nối, chia sẻ các hệ thống thông tin quy mô cấp tỉnh; xây dựng các hệ thống, phần mềm vận hành nền tảng, ứng dụng Chính phủ điện tử của tỉnh Thanh Hóa.

- Tiếp tục triển khai, hoàn thiện đầu tư hệ thống “Một cửa điện tử hiện đại” cho 07 UBND cấp huyện và 12 sở, ngành tạo thuận lợi cho việc tiếp nhận và giải quyết các thủ tục hành chính phục vụ người dân và doanh nghiệp.

- Bổ sung, thay thế, nâng cấp một số thiết bị CNTT đã hỏng cho các sở, ban, ngành, UBND cấp huyện để đảm bảo mạng máy tính nội bộ của các đơn vị hoạt động tốt và đáp ứng nhu cầu máy tính làm việc của cán bộ công chức. Đầu tư, bổ sung các thiết bị CNTT, tổ chức kết nối với mạng Tin học diện rộng của UBND tỉnh thông qua Internet.

- Triển khai hệ thống tổ chức hội nghị, giao ban điện tử đa phương tiện giữa UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh với các sở, ban, ngành và UBND cấp huyện kết hợp hình thức thuê dịch vụ theo Quyết định số 80/2014/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ.

- Các sở, ban, ngành tăng cường đầu mối, tiếp nhận và sử dụng hiệu quả các trang thiết bị và phần mềm ứng dụng CNTT được đầu tư theo các chương trình, dự án của các Bộ, ngành Trung ương.

- Đầu tư nâng cấp hạ tầng kỹ thuật để duy trì hoạt động của Cổng thông tin điện tử của tỉnh, hệ thống thư điện tử công vụ và hệ thống phần mềm quản lý văn bản và hồ sơ công việc cho các sở, ban, ngành cấp tỉnh và UBND cấp huyện trên địa bàn tỉnh.

2. Ứng dụng CNTT trong nội bộ cơ quan nhà nước

- Duy trì sử dụng, nâng cấp hệ thống phần mềm Quản lý văn bản và hồ sơ công việc trong các cơ quan quản lý nhà nước đã triển khai tại các sở, ban, ngành, UBND cấp huyện và tiếp tục mở rộng đến các cơ quan thuộc UBND tỉnh, đơn vị

sự nghiệp trực thuộc các Sở. Tiếp tục triển khai phần mềm theo dõi thực hiện nhiệm vụ cấp huyện đến các đơn vị còn lại. Triển khai cài đặt phần mềm quản lý văn bản và hồ sơ công việc, thư điện tử công vụ, phần mềm một cửa điện tử và một số phần mềm ứng dụng khác phục vụ công việc của UBND cấp xã đảm bảo tích hợp trên nền tảng chung, liên thông qua trực kết nối của tỉnh đến trực kết nối quốc gia.

- Đăng ký và cấp chứng thư số chuyên dùng cho các đơn vị sự nghiệp của UBND tỉnh, đơn vị sự nghiệp của sở, ban, ngành, UBND cấp huyện và UBND cấp xã (loại chứng thư số cho cơ quan) để phục vụ gửi nhận văn bản trên môi trường mạng đảm bảo an toàn, bảo mật thông tin; từng bước tích hợp ứng dụng chữ ký số vào các phần mềm ứng dụng của tỉnh. Triển khai đăng ký và cấp chứng thư số cá nhân cho một số chức danh lãnh đạo của sở, ban, ngành, UBND cấp huyện và đầu mối tiếp nhận, xử lý các dịch vụ hành chính công trực tuyến mức độ 4.

- Các cơ quan, đơn vị phối hợp với các Bộ, ngành Trung ương xây dựng và hoàn thiện hệ thống thông tin quốc gia về: quản lý văn bản, thư điện tử, đấu thầu điện tử, quản lý ngân sách và kho bạc (TABMIS), quản lý giao thông điện tử, quản lý xe cộ điện tử, quản lý hộ chiếu điện tử, quản lý bệnh án điện tử.

- Các Sở, ban, ngành tăng cường đầu mối với các Bộ, ngành Trung ương xây dựng và từng bước hoàn thiện hệ thống các cơ sở dữ liệu ngành đảm bảo khả năng sẵn sàng và thực hiện kết nối với cơ sở dữ liệu quốc gia thuộc các lĩnh vực: thống kê, tổng hợp dân số, đăng ký doanh nghiệp, tài chính, tài nguyên và môi trường, dân cư.

- Hoàn thiện các bộ phần mềm ứng dụng, hệ thống thông tin, CSDL hỗ trợ công tác quản lý tại các đơn vị: phần mềm quản lý đơn thư khiếu nại, tố cáo, quản lý tiếp công dân; hoạt động quản lý khoa học công nghệ; các CSDL ngành y tế; cập nhật CSDL về an toàn giao thông trong tỉnh; hệ thống thông tin quản lý công tác thủy lợi; quản lý cán bộ, công chức; ngoại vụ, dân tộc.

- Các cơ quan, đơn vị chủ động thực hiện hợp lý hóa, cải tiến và minh bạch các quy trình công việc, thủ tục hành chính và các quy trình liên thông giữa các cơ quan liên quan để có thể ứng dụng CNTT hiệu quả.

3. Ứng dụng CNTT phục vụ người dân và doanh nghiệp

- Rà soát, nâng cấp phần mềm Một cửa điện tử liên thông cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã đảm bảo tích hợp trên nền tảng chung liên thông qua trực kết nối của tỉnh đến trực kết nối quốc gia.

- Xây dựng Cổng Dịch vụ công tỉnh Thanh Hóa <http://www.dichvucong.thanhhoa.gov.vn> đảm bảo kết nối với Cổng Dịch vụ công quốc gia; liên thông với các Bộ, ngành cung cấp dịch vụ công mức độ 3 và mức độ 4 ở các lĩnh vực Y tế, Giáo dục, Tài nguyên và Môi trường, Công Thương, Thông tin và Truyền thông, Ngoại vụ...

- Tiếp tục đầu tư đồng bộ trang thiết bị công nghệ (máy chủ, máy trạm, thiết bị mạng, thiết bị lưu trữ dữ liệu,...) và phần mềm quản lý hệ thống, phần mềm giải quyết các thủ tục hành chính công cho bộ phận một cửa để thực hiện mô

hình “Một cửa điện tử liên thông” tại một số sở, ngành có nhiều thủ tục hành chính và 07 UBND cấp huyện.

- Xây dựng và hoàn thiện các hệ thống thông tin thiết yếu cho công tác ứng dụng CNTT phục vụ người dân và doanh nghiệp, đặc biệt là hệ thống thông tin về dân cư, đất đai, văn bản Quy phạm pháp luật, doanh nghiệp, nông nghiệp và phát triển nông thôn, y tế, giáo dục, lao động thương binh và xã hội,...

4. Đảm bảo an toàn thông tin

- Nâng cấp Trung tâm An ninh mạng và An toàn dữ liệu, Trung tâm tích hợp dữ liệu của tỉnh để phát triển và hoàn thiện hệ thống bảo mật, an ninh mạng, an toàn thông tin trong hệ thống các cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh.

- Bổ sung, trang bị các thiết bị an ninh mạng, thiết bị định tuyến cho các sở, ban, ngành, UBND cấp huyện để đưa Mạng Truyền số liệu chuyên dùng vào sử dụng và đảm bảo an toàn cho mạng máy tính nội bộ của các đơn vị hoạt động tốt. Theo dõi, ứng cứu xử lý sự cố, đặc biệt là tăng cường phối hợp giám sát, thu thập thông tin và cảnh báo sớm về an toàn thông tin trên toàn hệ thống mạng CNTT của tỉnh.

- Tăng cường quản lý chặt chẽ và nâng cao hoạt động của Cổng thông tin điện tử tỉnh bảo đảm, an toàn thông tin cho các thông tin trao đổi, các dịch vụ cung cấp trên Cổng.

- Rà soát điều chỉnh, bổ sung quy chế quy định cho các hệ thống mạng CNTT dùng chung của tỉnh để đảm bảo an toàn thông tin, vận hành an toàn, ổn định, thông suốt.

5. Bồi dưỡng nguồn nhân lực cho ứng dụng CNTT

- Tổ chức bồi dưỡng cho lãnh đạo phụ trách CNTT các sở, ban, ngành, UBND các huyện.

- Mở các lớp đào tạo, bồi dưỡng chuyên sâu về quản trị hệ thống mạng, an ninh mạng; quản lý triển khai, vận hành hệ thống CNTT cho CBCC chuyên trách về CNTT.

- Tiếp tục tổ chức các chương trình đào tạo, bồi dưỡng và nâng cao kỹ năng ứng dụng và khai thác CNTT cho CBCC trong các cơ quan nhà nước.

- Tăng cường xã hội hóa công tác phổ cập tin học cho toàn xã hội. Khuyến khích các tổ chức, cá nhân trong và ngoài tỉnh tham gia đào tạo, bồi dưỡng nhân lực CNTT dưới nhiều hình thức.

V. Giải pháp

1. Giải pháp tài chính

Huy động tổng hợp các nguồn vốn xã hội hóa, vốn ngân sách nhà nước. UBND tỉnh bố trí nguồn ngân sách của tỉnh gồm nguồn chi đầu tư và chi sự nghiệp kết hợp với nguồn ngân sách Trung ương “Chương trình mục tiêu về công nghệ thông tin giai đoạn 2016-2020” để tổ chức triển khai ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan Nhà nước năm 2017.

Các đơn vị đã được đầu tư, hỗ trợ từ nguồn kinh phí trung ương để phục vụ cho việc phát triển ứng dụng CNTT theo đặc trưng của ngành, có trách nhiệm đầu

mối với các cơ quan trung ương để được tiếp tục hỗ trợ nguồn kinh phí đảm bảo triển khai hiệu quả các dự án đầu tư.

2. Giải pháp triển khai

- Cơ quan chủ quản có trách nhiệm theo dõi tình hình thực hiện các chương trình, dự án thuộc thẩm quyền quản lý; phản hồi đầy đủ và kịp thời các báo cáo của Chủ đầu tư dự án; tiến hành phân tích danh mục các chương trình, dự án để xác định mức độ, lộ trình thực hiện.

- Đối với những chương trình, dự án ứng dụng CNTT mang tính chất trọng tâm, sử dụng nguồn kinh phí lớn đã được lựa chọn thí điểm, có chọn lọc tại một số đơn vị, cần đánh giá chi tiết hiệu quả ứng dụng, làm cơ sở nhân rộng mô hình cho các đơn vị còn lại.

- Khuyến khích triển khai theo hình thức thuê dịch vụ CNTT trong các cơ quan nhà nước của tỉnh theo quy định tại Quyết định số 80/2014/QĐ-TTg ngày 30/12/2015 của Thủ tướng Chính phủ.

3. Giải pháp tổ chức

- Tăng cường hoạt động của Ban chỉ đạo ứng dụng Công nghệ thông tin tỉnh trong việc triển khai công tác ứng dụng trong các cơ quan quản lý nhà nước, nâng cao vai trò, trách nhiệm của lãnh đạo CNTT ở các cấp.

- Tổ chức kiểm tra, giám sát, đánh giá tình hình thực hiện Kế hoạch tại các sở, ngành và UBND các huyện, thị xã, thành phố.

- Kiện toàn và phát huy vai trò bộ máy quản lý nhà nước về an toàn thông tin, có lãnh đạo chuyên trách về an toàn thông tin, chú trọng công tác xây dựng và nâng cao năng lực đội ngũ cán bộ chuyên trách về đảm bảo an toàn thông tin, phòng chống tấn công mạng, giám sát, cảnh báo, ứng cứu sự cố (CERT) tại các sở, ban, ngành, đơn vị trực thuộc.

4. Giải pháp về môi trường pháp lý

- Xây dựng và ban hành Kiến trúc Chính quyền điện tử tỉnh Thanh Hóa phù hợp với khung kiến trúc Chính phủ điện tử Việt Nam.

- Xây dựng các quy định về an toàn, an ninh thông tin, đẩy mạnh sử dụng chữ ký số trong các hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin của cơ quan nhà nước.

- Xây dựng quy định về quy trình trao đổi, lưu trữ, xử lý văn bản điện tử trên môi trường mạng của tỉnh nhằm tăng cường chia sẻ thông tin, giảm văn bản bằng giấy trong hoạt động của các cơ quan nhà nước.

- Đảm bảo nguồn kinh phí ứng dụng công nghệ thông tin trong kế hoạch ngân sách của cơ quan nhà nước.

VI. Danh mục nhiệm vụ, dự án

Dự kiến tổng kinh phí cho ứng dụng CNTT trong cơ quan nhà nước năm 2017 là: 67,044 tỷ đồng (Sáu mươi bảy tỷ, không trăm bốn mươi bốn triệu đồng).

Trong đó:

- Nguồn vốn đầu tư phát triển ngân sách tỉnh: 21,55 tỷ đồng;

- Nguồn kinh phí sự nghiệp trong dự toán ngân sách tỉnh: 40,574 tỷ đồng;

- Nguồn kinh phí chi thường xuyên CNTT vào dự toán ngân sách các sở, ban, ngành, UBND cấp huyện: 4,92 tỷ đồng;

(Danh mục các nhiệm vụ, dự án ứng dụng CNTT năm 2017 kèm theo tại Phụ lục 2, phụ lục 3 và phụ lục 4).

VII. Tổ chức thực hiện

1. Sở Thông tin và Truyền thông:

- Chủ trì tổ chức triển khai; hướng dẫn, đôn đốc, theo dõi, kiểm tra và báo cáo tình hình, kết quả triển khai thực hiện Kế hoạch này. Chủ trì tham mưu, đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh điều chỉnh, bổ sung về mục tiêu và nội dung Kế hoạch hoặc giải quyết vướng mắc trong quá trình triển khai thực hiện.

- Chủ động, tích cực làm việc với Bộ Thông tin và Truyền thông để xin hỗ trợ kinh phí cho các dự án, chương trình, nhiệm vụ để triển khai tốt Kế hoạch.

- Chủ trì, phối hợp với Văn phòng UBND tỉnh và các đơn vị có liên quan tham mưu cho Chủ tịch UBND tỉnh chỉ đạo, đôn đốc và giám sát việc gửi nhận văn bản, thư điện tử trên mạng qua phần mềm Quản lý văn bản và Hồ sơ công việc, hộp thư công vụ.

- Chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành có liên quan xây dựng các quy định, quy chế để đảm bảo môi trường pháp lý trong hoạt động ứng dụng CNTT của cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh.

2. Sở Tài chính:

- Chủ trì, phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông tham mưu cho UBND tỉnh bố trí, phân bổ nguồn kinh phí sự nghiệp năm 2017 thuộc ngân sách tỉnh và nguồn kinh phí khác để thực hiện các nhiệm vụ, dự án đầu tư cho ứng dụng CNTT theo Kế hoạch; xem xét, cấp dự toán kinh phí sự nghiệp CNTT kịp thời theo đề nghị của sở, ngành, địa phương thực hiện công tác chuyên môn.

- Cùng với Sở Thông tin và Truyền thông hướng dẫn quản lý, sử dụng kinh phí cụ thể chi cho ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động các cơ quan nhà nước của tỉnh.

3. Sở Kế hoạch và Đầu tư:

Chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính, Sở Thông tin và Truyền thông tham mưu cho UBND tỉnh bố trí, lồng ghép các nguồn vốn đầu tư phát triển thuộc ngân sách tỉnh, nguồn vốn Chương trình mục tiêu quốc gia về công nghệ thông tin cho các nhiệm vụ, dự án ứng dụng Công nghệ thông tin.

4. Sở Nội vụ:

Phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông đẩy mạnh triển khai Kế hoạch cải cách hành chính của tỉnh năm 2017, gắn kết chặt chẽ với Kế hoạch ứng dụng CNTT, từng bước hiện đại hóa nền hành chính của tỉnh; phối hợp tuyên truyền đẩy mạnh ứng dụng CNTT phục vụ cải cách hành chính; phối hợp trong công tác đào tạo bồi dưỡng cán bộ công chức về ứng dụng CNTT.

5. Các sở, ban, ngành cấp tỉnh, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành

phổ có trách nhiệm phối hợp chặt chẽ với Sở Thông tin và Truyền thông thực hiện Kế hoạch này.

6. Các đơn vị được giao chủ trì các dự án, nhiệm vụ có trách nhiệm tổ chức xây dựng, phê duyệt và triển khai các dự án, nhiệm vụ này theo quy định hiện hành về quản lý ngân sách nhà nước, bảo đảm sự lồng ghép về nội dung, kinh phí với các chương trình, kế hoạch, dự án chuyên ngành đang triển khai nếu có, tránh trùng lặp, lãng phí./.

Nơi nhận:

- Bộ TT&TT (để b/c);
- CT và các PCT UBND tỉnh (để b/c);
- Các sở, ban, ngành cấp tỉnh (để t/hiện);
- UBND các huyện, TX, TP (để t/hiện);
- CVP UBND tỉnh;
- Các phòng THKH, KTTC thuộc VP;
- Lưu: VT, CNTT.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Ngô Văn Tuấn

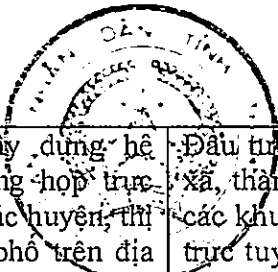


Phụ lục 1
CÁC NHIỆM VỤ DỰ ÁN ỨNG DỤNG CNTT TRONG HOẠT ĐỘNG CỦA CƠ QUAN NHÀ NƯỚC
TỈNH THANH HOÁ NĂM 2016

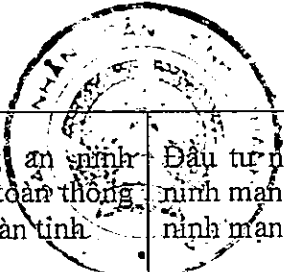
(Kèm theo Kế hoạch số: 154 /KH-UBND ngày 17 tháng 10 năm 2016 của UBND tỉnh Thanh Hoá)

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Tên nhiệm vụ, dự án	Mục tiêu, nội dung	Chủ đầu tư	Tổng vốn đầu tư	Thuộc dự án	Thời gian triển khai	Nguồn vốn	Trạng thái triển khai
1	Ứng dụng và phát triển Công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan nhà nước tỉnh Thanh Hóa	- Xây dựng ban hành kiến trúc Khung Chính quyền điện tử của tỉnh Thanh Hóa phù hợp với Mô hình kiến trúc Khung Chính phủ điện tử Việt Nam; - Đầu tư một nền tảng chung kết nối, chia sẻ các hệ thống thông tin quy mô cấp tỉnh LGSP; - Xây dựng các phần mềm vận hành nền tảng (LGSP) tỉnh Thanh Hóa; - Xây dựng hệ thống nền tảng ứng dụng chính phủ điện tử tỉnh Thanh Hóa (Core Platform); - Nâng cấp và xây dựng mới các ứng dụng dùng chung cho các cơ quan đơn vị, góp phần cải cách hành chính tuân thủ tiêu chuẩn Kiến trúc Chính quyền điện tử tỉnh Thanh Hóa; - Xây dựng các dịch vụ công mức độ 3, 4 theo lộ trình của tỉnh và của Chính phủ. - Nâng cấp hạ tầng kỹ thuật, đảm bảo tính bảo mật, đảm bảo an toàn thông tin cho các Trung tâm dữ liệu của tỉnh và tại một số sở, ban, ngành, UBND các huyện.	Sở Thông tin và Truyền thông	48.695	Triển khai mới	2016-2018	Ngân sách Trung ương và ngân sách địa phương	Đang triển khai



2	Đầu tư xây dựng hệ thống phòng họp trực tuyến tại các huyện, thị xã, thành phố trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa	Đầu tư phòng họp trực tuyến tại 27 huyện, thị xã, thành phố, Ban Quản lý KKT Nghi Sơn và các khu công nghiệp; mỗi đơn vị 01 phòng họp trực tuyến để kết nối trực tuyến với phòng họp trực tuyến Tỉnh ủy, HĐND và UBND tỉnh	Sở Thông tin và Truyền thông	42.400	Triển khai mới	2016-2017	Ngân sách địa phương	Dự kiến triển khai trong Quý IV/2016
3	Triển khai thí điểm hệ thống một cửa điện tử cho một số Sở có nhiều thủ tục hành chính	- Tin học hóa các quy trình giải quyết hồ sơ, thủ tục hành chính, đảm bảo tính thống nhất, đồng bộ, đơn giản và minh bạch. - Tạo điều kiện thuận lợi để các tổ chức, cá nhân chủ động trong việc tiếp nhận và tra cứu thông tin về thủ tục hành chính, kết quả thụ lý hồ sơ thủ tục hành chính. - Triển khai ứng dụng CNTT tại bộ phận một cửa cho 06 đơn vị cấp Sở: Kế hoạch và Đầu tư; Lao động-TB&XH; Tài nguyên và Môi trường; Giao thông vận tải; Công Thương; Nông nghiệp & Phát triển nông thôn.	Sở Thông tin và Truyền thông	3.401	Chuyển tiếp	2015-2016	Ngân sách địa phương	Đã triển khai xong
2	Triển khai thí điểm hệ thống quản lý văn bản, Hồ sơ công việc và hệ thống một cửa điện tử đến cấp xã	- Đầu tư hạ tầng CNTT, phần mềm quản lý Văn bản và Hồ sơ công việc cho 132 UBND cấp xã, thị trấn thuộc 06 đơn vị cấp huyện (Hoảng Hóa, Triệu Sơn, Quan Sơn, Yên Định, Thị xã Sầm Sơn, Thị xã Bỉm Sơn) đảm bảo năng lực hạ tầng kỹ thuật để triển khai có hiệu quả các ứng dụng CNTT; đồng thời quản lý toàn bộ các văn bản của UBND cấp xã bao gồm các văn bản đến, văn bản đi, văn bản nội bộ, văn bản dự thảo,... thực hiện gửi/nhận văn bản; trao đổi thư điện tử với các cơ quan, tổ chức, cá nhân bên trong và bên ngoài thông qua môi trường mạng. - Triển khai hệ thống một cửa điện tử đến cấp xã của 06 huyện để đảm bảo đồng bộ liên thông trong việc giải quyết các thủ tục hành chính từ cấp huyện đến cấp xã.	Sở Thông tin và Truyền thông	6.857	Chuyển tiếp	2015-2016	Ngân sách địa phương	Đang triển khai

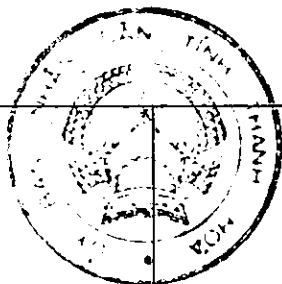


3	Tăng cường an ninh mạng và an toàn thông tin trên địa bàn tỉnh	Đầu tư nâng cấp trang thiết bị, công nghệ an ninh mạng, an toàn thông tin cho Trung tâm An ninh mạng và An toàn dữ liệu	Sở Thông tin và Truyền thông	3.165	Chuyển tiếp	2015-2016	Ngân sách địa phương	Đã triển khai xong
4	Triển khai diện rộng phần mềm theo dõi thực hiện nhiệm vụ cho 22 đơn vị cấp huyện	Giúp UBND, Chủ tịch UBND cấp huyện trong việc chỉ đạo, điều hành các đơn vị hành chính cấp xã, phường; giúp các đơn vị theo dõi, chỉ đạo cán bộ, công chức trong việc thực hiện nhiệm vụ được giao.	Văn phòng UBND tỉnh	1.976	Triển khai mới	2016	Ngân sách địa phương	Đang triển khai
5	Triển khai ứng dụng CNTT trong công tác tiếp dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo tại các cơ quan hành chính trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa	Đẩy mạnh việc ứng dụng Công nghệ thông tin nhằm nâng cao hiệu lực, hiệu quả công tác tiếp dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo; tăng cường việc kiểm tra giám sát trong công tác tiếp dân và giải quyết khiếu nại, tố cáo.	Thanh tra tỉnh	2.445	Triển khai mới	2016	Ngân sách địa phương	Đang triển khai
6	Ứng dụng CNTT trong khai thác và quản lý di sản văn hóa vật thể, phi vật thể trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa	Xây dựng cơ sở dữ liệu quản lý thông tin về di sản văn hóa vật thể, phi vật thể của tỉnh, nhằm đổi mới công tác lưu trữ, quản lý hồ sơ di sản, đồng thời phục vụ công tác quảng bá phát triển du lịch trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	6.391	Triển khai mới	2016-2017	Ngân sách địa phương	Đang triển khai
7	Ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý giảng dạy và học tập tại Trường Chính trị tỉnh Thanh Hóa giai đoạn 2016 - 2020	- Hoàn thiện, nâng cấp và triển khai Hệ thống thông tin Quản lý đào tạo, bao gồm: Xây dựng, quản lý Kế hoạch giảng dạy học tập; Quản lý học viên; Quản lý học viên nội trú; Quản lý đánh giá kết quả học tập; Quản lý và cấp chứng chỉ tốt nghiệp;	Trường Chính trị tỉnh	6.981	Triển khai mới	2016-2017	Ngân sách địa phương	Đang triển khai

Phụ lục 2
CÁC NHIỆM VỤ, DỰ ÁN ỨNG DỤNG CNTT TRONG HOẠT ĐỘNG CỦA CƠ QUAN
NHÀ NƯỚC TỈNH THANH HOÁ NĂM 2017
(Kèm theo Kế hoạch số: 154 /KH-UBND ngày 17 tháng 10 năm 2016 của UBND tỉnh Thanh Hoá)

Đơn vị: Triệu đồng

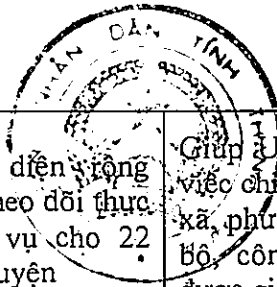
TT	Tên nhiệm vụ, dự án	Mục tiêu, nội dung	Chủ đầu tư	Tổng vốn cần thiết	Vốn đã cấp đến năm 2016	Vốn còn thiếu	Dự kiến vốn năm 2017	Ghi chú
A	NGUỒN VỐN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN			55.086	2.500	52.586	21.550	
1	Ứng dụng và phát triển Công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan nhà nước tỉnh Thanh Hóa	- Xây dựng ban hành kiến trúc Khung Chính quyền điện tử của tỉnh Thanh Hóa phù hợp với Mô hình kiến trúc Khung Chính phủ điện tử Việt Nam; - Đầu tư một nền tảng chung kết nối, chia sẻ các hệ thống thông tin quy mô cấp tỉnh LGSP; - Xây dựng các phần mềm vận hành nền tảng (LGSP) tỉnh Thanh Hóa; - Xây dựng hệ thống nền tảng ứng dụng chính phủ điện tử tỉnh Thanh Hóa (Core Platform); - Nâng cấp và xây dựng mới các ứng dụng dùng chung cho các cơ quan đơn vị, góp phần cải cách hành chính tuân thủ tiêu chuẩn Kiến trúc Chính quyền điện tử tỉnh Thanh Hóa; - Xây dựng các dịch vụ công mức độ 3, 4 theo lộ trình của tỉnh và của Chính phủ. - Nâng cấp hạ tầng kỹ thuật, đảm bảo tính bảo mật, đảm bảo an toàn thông tin cho các Trung tâm dữ liệu của tỉnh và tại một số sở, ban, ngành, UBND các huyện.	Sở Thông tin và Truyền thông	48.695	500	48.195	3.000	Dự án được phê duyệt tại Quyết định số 1136/QĐ-UBND ngày 31/3/2016 của Chủ tịch UBND tỉnh (năm 2017 đề xuất vốn Trung ương 34 tỷ, vốn địa phương 03 tỷ)



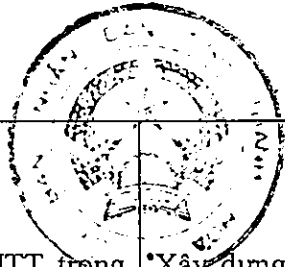
2	Đầu tư xây dựng hệ thống phòng họp trực tuyến tại các huyện, thị xã, thành phố trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa	Đầu tư phòng họp trực tuyến tại 27 huyện, thị xã, thành phố, Ban Quản lý KKT Nghi Sơn và các khu công nghiệp; mỗi đơn vị 01 phòng họp trực tuyến để kết nối trực tuyến với phòng họp trực tuyến Tỉnh ủy, HĐND và UBND tỉnh.	Sở Thông tin và Truyền thông	42.400	-	42.400	17.000	Đã phê duyệt chủ trương tại văn bản số 593/CV-HĐND ngày 16/9/2016 của Thường trực HĐND tỉnh Thanh Hóa (năm 2017 đề xuất vốn đầu tư ngân sách tỉnh 17 tỷ, vốn sự nghiệp CNTT 17 tỷ)
3	Ứng dụng CNTT trong khai thác và quản lý di sản văn hóa vật thể, phi vật thể trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa	Xây dựng cơ sở dữ liệu quản lý thông tin về di sản văn hóa vật thể, phi vật thể của tỉnh, nhằm đổi mới công tác lưu trữ, quản lý hồ sơ di sản, đồng thời phục vụ công tác quảng bá phát triển du lịch trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	6.391	2.000	4.391	1.550	Theo Quyết định 4448/QĐ-UBND ngày 30/10/2015 của Chủ tịch UBND tỉnh (năm 2017 đề xuất vốn đầu tư ngân sách tỉnh 1,55 tỷ, vốn sự nghiệp CNTT 1,55 tỷ)
B	NGUỒN VỐN SỰ NGHIỆP CÔNG NGHỆ THÔNG TIN CỦA TỈNH			86.847	14.164	72.683	40.574	
I	Thanh toán cho các dự nhiệm vụ, chương trình, dự án hoàn thành quyết toán			17.844	11.164	6.680	6.679	



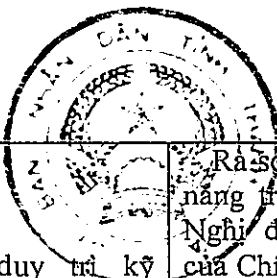
1	Triển khai thí điểm hệ thống một cửa điện tử cho một số Sở có nhiều thủ tục hành chính	Tin học hóa các quy trình giải quyết hồ sơ, thủ tục hành chính, đảm bảo tính thống nhất, đồng bộ, đơn giản và minh bạch. Tạo điều kiện thuận lợi để các tổ chức, cá nhân chủ động trong việc tiếp nhận và tra cứu thông tin về thủ tục hành chính, kết quả thụ lý hồ sơ thủ tục hành chính. - Triển khai ứng dụng CNTT tại bộ phận một cửa cho 06 đơn vị cấp Sở: Kế hoạch và Đầu tư; Lao động-TB&XH; Tài nguyên và Môi trường; Giao thông vận tải; Công Thương; Nông nghiệp & Phát triển nông thôn.	Sở Thông tin và Truyền thông	3.401	2.400	1.001	1.000	Theo Quyết định 2426/QĐ-UBND ngày 30/6/2015 của Chủ tịch UBND tỉnh
2	Triển khai thí điểm hệ thống quản lý văn bản, Hồ sơ công việc và hệ thống một cửa điện tử đến cấp xã	- Đầu tư hạ tầng CNTT, phần mềm quản lý Văn bản và Hồ sơ công việc cho 132 UBND cấp xã, thị trấn thuộc 06 đơn vị cấp huyện (Hoàng Hóa, Triệu Sơn, Quan Sơn, Yên Định, Thị xã Sầm Sơn, Thị xã Bỉm Sơn) đảm bảo năng lực hạ tầng kỹ thuật để triển khai có hiệu quả các ứng dụng CNTT; đồng thời quản lý toàn bộ các văn bản của UBND cấp xã bao gồm các văn bản đến, văn bản đi, văn bản nội bộ, văn bản dự thảo,... thực hiện gửi/nhận văn bản; trao đổi thư điện tử với các cơ quan, tổ chức, cá nhân bên trong và bên ngoài thông qua môi trường mạng. - Triển khai hệ thống một cửa điện tử đến cấp xã của 06 huyện để đảm bảo đồng bộ liên thông trong việc giải quyết các thủ tục hành chính từ cấp huyện đến cấp xã.	Sở Thông tin và Truyền thông	6.857	3.036	3.821	3.821	Theo Quyết định 3800/QĐ-UBND ngày 30/9/2015 của Chủ tịch UBND tỉnh
3	Tăng cường an ninh mạng và an toàn thông tin trên địa bàn tỉnh	Đầu tư nâng cấp trang thiết bị, công nghệ an ninh mạng, an toàn thông tin cho Trung tâm An ninh mạng và An toàn dữ liệu	Sở Thông tin và Truyền thông	3.165	2.228	937	937	Theo Quyết định 2477/QĐ-UBND ngày 07/7/2015 của Chủ tịch UBND tỉnh



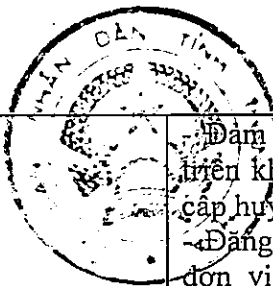
4	Triển khai diện rộng phần mềm theo dõi thực hiện nhiệm vụ cho 22 đơn vị cấp huyện	Giúp UBND, Chủ tịch UBND cấp huyện trong việc chỉ đạo, điều hành các đơn vị hành chính cấp xã, phường; giúp các đơn vị theo dõi, chỉ đạo cán bộ, công chức trong việc thực hiện nhiệm vụ được giao.	Văn phòng UBND tỉnh	1.976	1.600	376	376	Theo Quyết định 2215/QĐ-UBND ngày 24/6/2016 của Chủ tịch UBND tỉnh
5	Triển khai ứng dụng CNTT trong công tác tiếp dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo tại các cơ quan hành chính trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa	Đẩy mạnh việc ứng dụng Công nghệ thông tin nhằm nâng cao hiệu lực, hiệu quả công tác tiếp dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo; tăng cường việc kiểm tra giám sát trong công tác tiếp dân và giải quyết khiếu nại, tố cáo.	Thanh tra tỉnh	2.445	1.900	545	545	Phê duyệt dự toán tại Quyết định số 1361/QĐ-UBND ngày 19/4/2016
I	Triển khai các nhiệm vụ, dự án chuyển tiếp			55.772	3.000	52.772	23.130	
1	Đầu tư xây dựng hệ thống phòng họp trực tuyến tại các huyện, thị xã, thành phố trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa	Đầu tư phòng họp trực tuyến tại 27 huyện, thị xã, thành phố, Ban Quản lý KKT Nghi Sơn và các khu công nghiệp; mỗi đơn vị 01 phòng họp trực tuyến để kết nối trực tuyến với phòng họp trực tuyến Tỉnh ủy, HĐND và UBND tỉnh	Sở Thông tin và Truyền thông	42.400	-	42.400	17.000	Đã phê duyệt chủ trương tại văn bản số 593/CV-HĐND ngày 16/9/2016 của Thường trực HĐND tỉnh Thanh Hóa (năm 2017 đề xuất vốn đầu tư ngân sách tỉnh 17 tỷ, vốn sự nghiệp CNTT 17 tỷ)



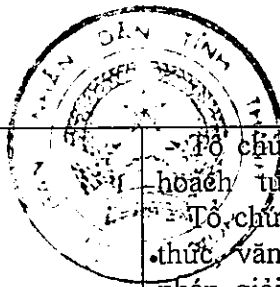
2	Ứng dụng CNTT trong khai thác và quản lý di sản văn hóa vật thể, phi vật thể trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa	Xây dựng cơ sở dữ liệu quản lý thông tin về di sản văn hóa vật thể, phi vật thể của tỉnh, nhằm đổi mới công tác lưu trữ, quản lý hồ sơ di sản, đồng thời phục vụ công tác quảng bá phát triển du lịch trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	6.391	2.000	4.391	1.550	Theo Quyết định 4448/QĐ-UBND ngày 30/10/2015 của Chủ tịch UBND tỉnh (năm 2017 đề xuất vốn đầu tư ngân sách tỉnh 1,55 tỷ, vốn sự nghiệp CNTT 1,55 tỷ)
3	Ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý giảng dạy và học tập tại Trường Chính trị tỉnh Thanh Hóa giai đoạn 2016 - 2020	Hoàn thiện, nâng cấp và triển khai Hệ thống thông tin Quản lý đào tạo, bao gồm: Xây dựng, quản lý Kế hoạch giảng dạy học tập; Quản lý học viên; Quản lý học viên nội trú; Quản lý đánh giá kết quả học tập; Quản lý và cấp chứng chỉ tốt nghiệp.	Trường Chính trị tỉnh	6.981	1.000	5.981	4.580	Theo Quyết định 4271/QĐ-UBND ngày 26/10/2015 của Chủ tịch UBND tỉnh
III	Các nhiệm vụ, dự án triển khai mới năm 2017			12.811	-	12.811	10.345	
1	Triển khai, duy trì hệ thống thư điện tử đến cán bộ, công chức cấp xã năm 2017.	Đảm bảo hệ thống thư điện tử công vụ của tỉnh hoạt động an toàn, thông suốt.	Văn phòng UBND tỉnh	500	-	500	400	Theo Kế hoạch số 22/KH-UBND ngày 15/02/2016 của UBND tỉnh



2	Kinh phí duy trì kỹ thuật hoạt động của Cổng thông tin điện tử, Trung tâm tích hợp dữ liệu của tỉnh và hệ thống mạng tin học Văn phòng UBND tỉnh.	Rà soát, nâng cấp, chỉnh sửa các Module chức năng trên Cổng thông tin điện tử của tỉnh theo Nghị định số 43/2011/NĐ-CP ngày 13/6/2011 của Chính phủ; - Duy trì hệ thống mạng tin học cơ quan Văn phòng UBND tỉnh; bảo trì, bảo dưỡng hệ thống mạng Trung tâm tích hợp dữ liệu, mua phần mềm phòng chống virus cho toàn bộ máy trạm và máy chủ. - Thuê bao đường truyền Lease - Line, đảm bảo tốc độ kết nối phục vụ việc truyền nhận thông tin cho Trung tâm tích hợp dữ liệu phục vụ Cổng thông tin điện tử và các CSDL, phần mềm cài đặt tại Trung tâm.	Văn phòng UBND tỉnh	1.000	-	1.000	800	Theo Kế hoạch số 22/KH-UBND ngày 15/02/2016 của UBND tỉnh
3	Tổng hợp thông tin thực hiện các nhiệm vụ tại các cơ quan hành chính trong tỉnh phục vụ sự chỉ đạo, điều hành của UBND, Chủ tịch UBND tỉnh.	Bổ sung nâng cấp các phần mềm: Quản lý văn bản và hồ sơ công việc; một cửa điện tử; theo dõi thực hiện nhiệm vụ các cấp, các cơ sở dữ liệu chuyên ngành để tổng hợp và theo dõi các nhiệm vụ chuyên môn của các cơ quan hành chính nhà nước trên địa bàn tỉnh.	Văn phòng UBND tỉnh	3.000	-	3.000	2.400	
4	Xây dựng phần mềm quản lý nội bộ: Quản lý cán bộ công chức.	Xây dựng cơ sở dữ liệu liên quan đến cán bộ, công chức, giúp cho việc quản lý, lưu trữ thông tin về cán bộ, công chức được thuận lợi, nhanh chóng, chính xác, có tính liên thông đến báo cáo BHXH.	Văn phòng UBND tỉnh	200	-	200	200	



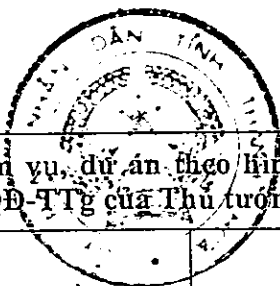
5	Triển khai Kế hoạch ứng dụng chữ ký số chuyên dùng trong hoạt động của cơ quan nhà nước năm 2017.	- Đảm bảo hạ tầng kỹ thuật, ứng dụng phục vụ triển khai chữ ký số các sở, ban, ngành, UBND cấp huyện và UBND cấp xã. - Đăng ký và cấp chứng thư số cơ quan cho các đơn vị sự nghiệp trực thuộc UBND tỉnh, trực thuộc sở, ban, ngành, UBND cấp huyện và các UBND cấp xã. - Đăng ký và cấp chứng thư số cá nhân cho một số chức danh lãnh đạo của sở, ban, ngành, UBND cấp huyện và đầu mối tiếp nhận, xử lý các dịch vụ hành chính công trực tuyến. - Tích hợp ứng dụng chữ ký số lên phần mềm ứng dụng của tỉnh triển khai đến cấp xã. - Tổ chức đào tạo cho các đối tượng được cấp và sử dụng chứng thư số.	Sở Thông tin và Truyền thông	500	-	500	400	Theo Kế hoạch số 22/KH-UBND ngày 15/02/2016 của UBND tỉnh
6	Triển khai các hoạt động CNTT của tỉnh.	- Tổ chức bồi dưỡng cho lãnh đạo phụ trách CNTT các sở, ban, ngành, UBND các huyện. - Tổ chức đào tạo nâng cao kiến thức về an ninh, an toàn mạng cho cán bộ quản trị mạng các sở, ban, ngành, UBND các huyện. - Tổ chức tập huấn về khung kiến trúc Chính phủ điện tử, kiến trúc chính quyền điện tử cấp tỉnh. - Triển khai Chương trình hợp tác về ứng dụng CNTT giữa Sở TT Thanh Hóa với Sở TT&TT Hà Nội và Sở TT&TT Thành phố Hồ Chí Minh; - Kinh phí khảo sát, đánh giá chỉ số ICT Index; - Kinh phí tổ chức hội thi ứng dụng CNTT trong khối CQNN; - Kinh phí kiểm tra việc thực hiện các chương trình, dự án, tình hình ứng dụng CNTT tại các đơn vị; - Kinh phí duy trì công thông tin doanh nghiệp của tỉnh (thuê Hosting, thuê tên miền, cập nhật dữ liệu).	Sở Thông tin và Truyền thông	920	-	920	740	Theo Kế hoạch số 22/KH-UBND ngày 15/02/2016 của UBND tỉnh



7	Triển khai Kế hoạch tuyên truyền, phổ biến nâng cao nhận thức và trách nhiệm về an toàn thông tin trên địa bàn tỉnh năm 2017.	Tổ chức Hội nghị quán triệt và triển khai kế hoạch tuyên truyền về an toàn thông tin; Tổ chức Hội thảo tuyên truyền, phổ biến kiến thức, văn bản pháp luật về ATTT và các biện pháp, giải pháp đảm bảo ATTT; - Sản xuất phóng sự, chương trình, trao đổi, đối thoại trên hệ thống phát thanh, truyền hình; trên các Báo của tỉnh; Biên tập tài liệu liên quan đến ATTT đưa lên Trang thông tin điện tử của Sở TT&TT; - Tổ chức tập huấn, bồi dưỡng kỹ năng biên tập, tuyên truyền về an toàn thông tin cho đội ngũ phóng viên, cán bộ truyền thanh cơ sở cấp huyện; - Tổ chức diễn tập về tăng cường năng lực quản lý, xử lý sự cố về an toàn thông tin; - Hội nghị đánh giá kết quả triển khai kế hoạch tuyên truyền, phổ biến, nâng cao nhận thức và trách nhiệm về an toàn thông tin năm 2017.	Sở Thông tin và Truyền thông	260	-	260	260	Theo Kế hoạch số 152/KH-UBND ngày 11/11/2015, Chỉ thị số 22/CT-UBND ngày 19/10/2015
8	Xây dựng phần mềm cơ sở dữ liệu dịch bệnh hay xảy ra ở người trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa.	Tăng cường khả năng quản lý, giám sát tình hình dịch bệnh; chủ động khoanh vùng, khống chế, dập dịch hiệu quả khi có dịch bệnh xảy ra trên địa bàn tỉnh; nâng cao khả năng phối hợp xử lý giữa các cơ quan chức năng và kịp thời chia sẻ thông tin cho cộng đồng.	Sở Y tế	1.100	-	1.100	880	Theo Quyết định 5262/QĐ-UBND ngày 14/12/2015 của Chủ tịch UBND tỉnh
9	Nâng cấp mạng LAN và Website của Sở Xây dựng.	Nâng cấp hạ tầng, trang thiết bị Công nghệ thông tin và hệ thống mạng LAN để phục vụ tốt công tác chuyên môn của Sở. Hoàn thiện hệ thống máy tính để tăng cường việc ứng dụng Công nghệ thông tin đối với các hoạt động của Sở Xây dựng nhằm nâng cao năng lực, hiệu quả công việc thông qua hệ thống mạng.	Sở Xây dựng	394	-	394	315	Theo Quyết định 3270/QĐ-UBND ngày 26/8/2016 của Chủ tịch UBND tỉnh



10	Đầu tư nâng cấp, hoàn thiện mạng LAN, bổ sung thiết bị CNTT cho Ban Dân tộc.	Bổ sung trang thiết bị Công nghệ thông tin, phục vụ nhiệm vụ chuyên môn của cán bộ, công chức Ban, Tăng cường việc ứng dụng Công nghệ thông tin đối với các hoạt động của Ban Dân tộc nhằm nâng cao năng lực, hiệu quả công việc qua hệ thống mạng.	Ban Dân tộc	350	-	350	280	Theo Văn bản số 7774/UBND-CNTT ngày 19/7/2016 của UBND tỉnh
11	Xây dựng hệ thống phần mềm và cơ sở dữ liệu theo dõi tình hình thực hiện các dự án đầu tư trực tiếp có sử dụng đất trên địa bàn tỉnh.	Tăng cường khả năng quản lý, giám sát tình hình triển khai thực hiện các dự án đầu tư trực tiếp đã được chấp nhận chủ trương đầu tư trên địa bàn tỉnh; nâng cao hiệu quả công tác phối hợp giữa các ngành, các cấp trong việc cập nhật thông tin, theo dõi tiến độ, phát hiện các khó khăn, vướng mắc trong thực hiện các dự án trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa.	Sở Kế hoạch và Đầu tư	487	-	487	390	Theo Quyết định 3315/QĐ-UBND ngày 30/8/2016 của Chủ tịch UBND tỉnh
12	Tăng cường cơ sở vật chất hệ thống Công nghệ thông tin của Văn phòng Hội đồng nhân dân tỉnh Thanh Hóa.	Xây dựng hệ thống mạng LAN và lắp đặt các trang thiết bị an ninh phòng máy chủ cho Văn phòng Hội đồng nhân dân tỉnh Thanh Hóa; mua sắm máy chủ, máy vi tính trang bị cho Văn phòng Hội đồng nhân dân tỉnh.	Văn phòng HĐND tỉnh	2.600	-	2.600	2.080	
13	Xây dựng phần mềm cơ sở dữ liệu ngành ngoại vụ tỉnh Thanh Hóa.	Xây dựng CSDL ngành ngoại vụ tỉnh Thanh Hóa và đầu tư thay thế, bổ sung các trang thiết bị công nghệ thông tin (máy tính, máy in, lưu điện, máy scan, máy ảnh,...) phục vụ khai thác, sử dụng phần mềm.	Sở Ngoại vụ	500	-	500	400	Theo Quyết định 2236/QĐ-UBND ngày 27/6/2016 của Chủ tịch UBND tỉnh
14	Nâng cấp, hoàn thiện hệ thống mạng LAN của các sở, ban, ngành, huyện, thị xã, thành phố và kết nối với mạng truyền số liệu chuyên dùng của cơ quan Đảng và Nhà nước.	- Nâng cấp, hoàn thiện hệ thống mạng LAN, bổ sung thiết bị CNTT cho các Sở, Ban, Ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố đáp ứng các yêu cầu kỹ thuật, kết nối với mạng truyền số liệu chuyên dùng (TSLCD) của cơ quan Đảng và Nhà nước. - Xây dựng, chuẩn hóa và cập nhật dữ liệu vào hệ thống thông tin CSDL của các Sở, ban, ngành với UBND cấp huyện.	Các Sở, ban, ngành, UBND cấp huyện	1.000	-	1.000	800	



IV	Các nhiệm vụ, dự án theo hình thức thuê dịch vụ theo Quyết định số 80/2014/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ			420	-	420	420	
1	Thuê đường truyền mạng truyền số liệu chuyên dùng phục vụ các cuộc hội nghị giao ban trực tuyến năm 2017.	- Chi trả tại 29 điểm cầu (UBND cấp huyện; Văn phòng UBND tỉnh; Ban Quản lý KKT Nghi Sơn); - Tại điểm cầu Trung tâm (Sở Thông tin và Truyền thông);	Văn phòng UBND tỉnh, Sở Thông tin và Truyền thông; UBND cấp huyện	420	-	420	420	
TỔNG CỘNG				141.933	16.664	125.269	62.124	

Phụ lục 3
KINH PHÍ CHI HOẠT ĐỘNG THƯỜNG XUYÊN VỀ CNTT
TRONG HOẠT ĐỘNG CÁC SỞ, BAN, NGÀNH NĂM 2017
 (Kèm theo Kế hoạch số: 154/KH-UBND ngày 17 tháng 10 năm 2016
 của UBND tỉnh Thanh Hóa)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Tên đơn vị	Số CBCC hiện có	Kinh phí năm 2017
1	Văn phòng UBND tỉnh	101	202
2	Văn phòng Đoàn Đại biểu Quốc hội và HĐND tỉnh	39	78
3	Sở Công Thương	71	142
4	Sở Khoa học và Công nghệ	39	78
5	Sở Tài nguyên và Môi trường	70	140
6	Sở Kế hoạch và Đầu tư	82	164
7	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	89	178
8	Sở Tài chính	110	220
9	Sở Thông tin và Truyền thông	36	72
10	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	88	176
11	Sở Xây dựng	76	152
12	Sở Tư pháp	47	94
13	Sở Nội vụ	66	132
14	Sở Giao thông Vận tải	86	172
15	Sở Y tế	50	100
16	Sở Giáo dục và Đào tạo	81	162
17	Sở Lao động, Thương binh và Xã hội	77	154
18	Sở Ngoại vụ	21	42
19	Thanh tra tỉnh	52	104
20	Ban Dân tộc	30	60
21	BQL khu kinh tế Nghi Sơn	72	144
22	Trung tâm xúc tiến Đầu tư, Thương mại và Du lịch Thanh Hóa	17	34
	Tổng cộng:	1.400	2.800

Phụ lục 4

**KINH PHÍ CHI HOẠT ĐỘNG THƯỜNG XUYÊN VỀ ỨNG DỤNG
CNTT TRONG HOẠT ĐỘNG UBND CẤP HUYỆN NĂM 2017**
(Kèm theo Kế hoạch số: 154 /KH-UBND, ngày 17 tháng 10 năm 2016
của UBND tỉnh Thanh Hoá)

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Tên đơn vị	Số CBCC hiện có	Kinh phí năm 2017
1	UBND huyện Thọ Xuân	87	87
2	UBND Thị xã Sầm Sơn	70	70
3	UBND huyện Thường Xuân	81	81
4	UBND huyện Hoằng Hoá	89	89
5	UBND huyện Quảng Xương	89	89
6	UBND huyện Vĩnh Lộc	68	68
7	UBND Thị xã Bìn Sơn	67	67
8	UBND huyện Thiệu Hoá	77	77
9	UBND huyện Thạch Thành	79	79
10	UBND huyện Yên Định	76	76
11	UBND huyện Hà Trung	70	70
12	UBND huyện Cẩm Thủy	75	75
13	UBND huyện Như Thanh	66	66
14	UBND huyện Bá Thước	80	80
15	UBND huyện Ngọc Lặc	77	77
16	UBND huyện Quan Sơn	64	64
17	UBND huyện Quan Hoá	72	72
18	UBND huyện Mường Lát	62	62
19	UBND huyện Nga Sơn	77	77
20	UBND huyện Hậu Lộc	77	77
21	UBND huyện Nông Cống	79	79
22	UBND huyện Lang Chánh	67	67
23	UBND huyện Tĩnh Gia	131	131
24	UBND Thành phố Thanh Hoá	123	123
25	UBND huyện Triệu Sơn	82	82
26	UBND huyện Như Xuân	69	69
27	UBND huyện Đông Sơn	66	66
	Tổng cộng:	2.120	2.120